

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG**

Bản án số: 29/2026/HS-ST

Ngày: 19-3-2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hiên.

Bà Nguyễn Thị Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Lâm Quốc Huy – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai tại 02 điểm cầu (điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng. Điểm cầu thành phần tại tạm giam số 02 công an thành phố H) đối vụ án hình sự thụ lý số 18/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 03 năm 2026, đối với bị cáo:

Vũ Đức T, sinh năm 1991, tại Đồng Nai; CCCD số 075091003587 ĐKHKTT và cư trú: Tổ 14, Ấp C, xã P, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Vũ Xuân T1 và con bà Nguyễn Thị N; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2025. Tạm giam từ ngày 25/9/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 02 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị D (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Ông Vũ Xuân T2, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Vũ Đức V, sinh năm 2004; Địa chỉ: Thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng.

+ Anh Vũ Việt A, sinh năm 2007; Địa chỉ: Thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng.

+ Chị Vũ Phạm Vân A1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của anh V, anh Việt A, chị Vân A1, ông C, bà L: Ông Vũ Xuân T2. Vắng mặt.

2. Chị Quàng Thị B, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản D, xã M, tỉnh Sơn La. *Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Quàng Văn C1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản D, xã M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.*

3. Công ty cổ phần P; *Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ân T3 – giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân B1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.*

Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

1. Bà Phạm Hồng Q – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.
2. Bà Đỗ Thị X – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đức T có giấy phép lái xe hạng B2 số 750115020054 do Sở G cấp ngày 14/11/2023, thời hạn đến ngày 14/11/2033. Khoảng tháng 6/2025, T đến làm thuê tại xưởng xay xát gạo nhà anh Đào Văn T4, công việc T được giao làm phụ xe ô tô và bốc dỡ hàng hóa.

Tối ngày 18/9/2025, trong lúc ngồi ăn cơm, ông Đào Văn D1 (là bố đẻ anh T4) bảo anh T4 đến sáng ngày 19/9/2025 lái xe ô tô BKS 89C – 300.60 chở thóc đi giao cho khách tại tỉnh Bắc Ninh, T đi cùng phụ xe. Khoảng 03 giờ 50 phút

ngày 19/9/2025, T gọi anh T4 dậy đi chở hàng nhưng anh T4 bảo còn sớm và ngủ tiếp. T biết địa điểm giao hàng ở tỉnh Bắc Ninh nên tự ý điều khiển xe ô tô BKS 89C - 300.60 (tải trọng 6.850kg, chìa khoá để sẵn trong xe) đi giao hàng. T điều khiển xe đi từ nhà ra Quốc lộ C theo hướng xã K, thành phố Hải Phòng đi tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 04 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến ngã tư giao nhau có đèn tín hiệu giao thông giữa đường tránh Quốc lộ C và Tỉnh lộ 392 thuộc địa phận xã K, T thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại an toàn nên phần đầu xe ô tô va chạm với xe mô tô BKS 34P1 - 039.77 do chị Nguyễn Thị D điều khiển chở chị Quảng Thị B ngồi phía sau đi ngược chiều đang chuyển hướng rẽ trái về thôn P, xã Đ, thành phố Hải Phòng. Hậu quả làm chị Nguyễn Thị D tử vong tại chỗ, chị Quảng Thị B thương tích được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đ và Bệnh viện đa khoa tỉnh S từ ngày 19/9/2025 đến ngày 03/10/2025, xe ô tô, xe mô tô và hệ thống cột đèn tín hiệu giao thông bị hư hỏng. Sau khi xảy ra tai nạn, T đến Công an xã K tự thú.

Kết luận giám định tử thi số 2734/KL-KTHS ngày 22/9/2025 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận: Chị Nguyễn Thị D tử vong do đa chấn thương.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số 851/2025/KLTgTHS-TTPYHP ngày 01/12/2025 của Trung tâm Pháp y - Sở Y, kết luận: chị Quảng Thị B bị tổn thương cơ thể 42%.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2025 và số 05/KL-HĐĐGTS ngày 05/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND xã K, kết luận: Xe ô tô tải BKS 89C - 300.60 bị hư hỏng, giá trị thiệt hại 44.040.000 đồng; Xe mô tô BKS 34P1 - 039.77 bị hư hỏng, giá trị thiệt hại 6.150.000 đồng; hệ thống cột đèn tín hiệu giao thông bị hư hỏng, giá trị thiệt hại 23.500.000 đồng.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn và xét nghiệm chất ma túy: Trong cơ thể T không có cồn và ma túy.

Khám nghiệm hiện trường tại nơi xảy ra tai nạn, xác định: Đoạn đường xảy ra tai nạn tại Km35 + 400 Quốc lộ C đoạn giao nhau với Tỉnh lộ 392. Lấy mép trái Tỉnh lộ 392 hướng xã K đi thôn P, Đường A làm mốc; mép phải Quốc lộ C hướng xã A đi thôn Q, xã K làm chuẩn. Các dấu vết được đánh số thứ tự.

Mặt đường Quốc lộ 38 đường rộng 18m có vạch sơn vàng kẻ đứt quãng ở giữa chia 2 chiều xe chạy. Theo chiều Ân T5 đi Quán Gỏi phía trước là lối mở (ngã tư thứ nhất) rộng 43m giao với Tỉnh lộ 392; hai bên là lối mở rộng 36,2m vào Tỉnh lộ 392 đường rộng 11m, bên trái đi về phía K, bên phải đi về phía thôn

P, khu vực có hệ thống đèn tín hiệu, qua ngã tư là đường nhựa trên mặt công qua mương nước rộng 18m có vạch sơn vàng nét liền chạy dọc ở giữa, hai bên là vỉa hè rộng 2m và lan can, tiếp đến là lối mở hai bên (ngã tư thứ hai) vào đường Đ. Trước vạch dừng chờ đèn tín hiệu ở các hướng dưới mặt đường có cụm vạch sơn giảm tốc, vạch dừng chờ đèn tín hiệu và vạch sơn cho người đi bộ qua đường. Lề đường bên phải, trước khu vực đường giao nhau chiều Á đi Quán G, tại Km35 + 600 và Km35 + 500 lần lượt là biển W205 (đường giao nhau) và biển W209 (giao nhau có đèn tín hiệu); chiều ngược lại tại Km35 + 300 và Km35 + 400, lề đường bên phải lần lượt là biển báo W205 và W209.

Theo hướng Ân T5 đi Quán G: Cách điểm mốc về phía Ân Thi 3,9m và cách mép chuẩn về phía Kẽ Sắt 4,65m trên mặt đường là điểm đầu của cụm vết cạ xước mặt đường và vết mài trượt (1) KT (10,24 x 0,24)m kéo dài về phía Quán G, kết thúc tại vị trí lớp sau bên phải của xe ô tô tải BKS 89C - 300.60, mặt ngoài lớp trước và lớp sau bên phải của xe ô tô nằm trên vỉa hè cách chuẩn lần lượt là 1,05m và 0,58m; Cách điểm đầu vết (1) về phía Quán G 9,10m và cách chuẩn 0,20m là tâm của vết máu thứ nhất (2) KT (0,8 x 0,3)m; Cách điểm đầu của dấu vết (1) tại mép chuẩn, mặt ngoài vỉa hè bên phải dưới gầm thùng xe phía sau xe ô tô tải là điểm đầu của vết mài trượt block vỉa hè (3) KT (4,9 x 0,2)m kéo dài về phía Quán G, điểm cuối tại vị trí xe mô tô BKS 34P1 - 039.77 (4) bị đổ nghiêng trái dưới gầm cabin xe ô tô tải, trực trước và trực sau của xe mô tô lần lượt cách chuẩn 0,4m và 0,1m; Cách trực trước bên phải xe ô tô BKS 89C - 300.60 về phía Quán G 2,2m và cách chuẩn 1,5m là tâm vùng nhựa vỡ rơi vãi rải rác (5) KT (5,2 x 3,2)m; Cách trực sau bên phải của xe ô tô về phía Quán G 0,6m và cách chuẩn 1,0m trên vỉa hè là cột đèn tín hiệu mặt ngoài bị bẹp, trầy xước kim loại (6) KT (2,3 x 0,27)m, điểm thấp nhất là chân cột, điểm cao nhất cách chân cột 2,30m; Cách trực trước bên phải xe ô tô về phía Quán G 1,5m và cách chuẩn 0,3m dưới đường, trước sát gầm đầu xe ô tô là tâm của vùng máu thứ hai (7) KT (0,3 x 0,3)m.

Khám xe ô tô BKS 89C - 300.60 liên quan đến tai nạn, xác định: Cản nhựa phía trước bị bật chốt hãm, rời khỏi xe, bề mặt có nhiều vết trầy xước nhựa rải rác; Biển kiểm soát 89C - 300.60 gắn trên cản nhựa bị đập vỡ kính, cong vênh, biến dạng; Xương ba đòn sóc trước bị cong vênh theo chiều trước lại sau, lệch so với vị trí ban đầu khoảng 20 độ; Mặt calăng có vết đập vỡ rời khỏi xe KT (50 x 30)cm; Mặt trước phía dưới kính chắn gió và gạt nước có vết bẹp, méo theo chiều trước lại sau KT (120 x 45)cm, lệch so với ban đầu 30cm; Kính chắn gió phía trước vỡ hoàn toàn, rời khỏi xe; Đèn pha bên phải, cột chữ A bên phải có vết xô đẩy, bẹp lõm theo chiều trước lại sau, bề mặt trầy xước, làm bong lớp sơn, ốp

nhựa đèn pha bị vỡ, cụm đèn xi nhan bên phải vỡ rời khỏi xe lệch xe với vị trí ban đầu khoảng 30cm; Cần gương chiếu hậu bên phải bị xô đẩy theo chiều trước lại sau vỡ rời khỏi xe; Cánh cửa bên phải bị xô đẩy theo chiều trước lại sau, kính chắn gió vỡ rời khỏi xe, toàn bộ bề mặt khung cửa bị bẹp méo, trầy xước theo chiều trước lại sau; Lốp xe phía trước bên phải nổ vỡ tạo vết rách dài 31cm ở ngoài má lốp; C2 gầm xe bên phải tại vị trí sau lốp trước phải bị cong, gập vào trong theo chiều trước lại sau; Góc dưới cạnh thùng xe bên phải có vết trầy xước kim loại cong, lõm theo chiều trước lại sau KT (8,5 x 20)cm.

Khám xe mô tô BKS 34P1 - 039.77 liên quan đến tai nạn, xác định: Càng bánh trước bị gãy biến dạng phức tạp, không xác định được chiều hướng; Cụm đầu xe, đèn vỡ hoàn toàn, rời khỏi xe; Hệ thống lái biến dạng, không rõ hình; Khu vực yếm, bụng xe hai bên dập vỡ lớp nhựa; Khung xe bị xô đẩy chiều trái sang phải, trước lại sau; Lốc máy, hộp xích bị cong đẩy, biến dạng theo chiều trước lại sau, lốc máy bên phải bị vỡ biến dạng để lộ thân máy bên trong; Cần số, bàn để chân người điều khiển hai bên, chân chống bị cong đẩy gãy gập chiều trái sang phải; Giảm sóc phía sau bên trái bị gãy cong đẩy chiều trái sang phải; Bánh sau bên trái bị cong đẩy vành bánh xe theo chiều trái sang phải; Cần đạp phanh và đầu ống xả bị cong, gập hướng phải sang trái; Toàn bộ phần thân xe, phải trái bị bẹp, biến dạng; B2 xăng bẹp méo, biến dạng, yên xe rời khỏi xe; Cụm đèn xi nhan phía sau, bên trái bị vỡ rời khỏi xe; Bề mặt ốp nhựa thân xe hai bên, tay xách sau có vết trầy xước theo chiều trước lại sau, diện rộng toàn bộ xe; Chấn bụn phía sau vỡ rời khỏi xe; Hệ thống điện không còn hoạt động do hư hỏng. Hệ thống phanh, đèn, còi hư hỏng không kiểm tra được.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo tác động nhờ gia đình bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị D 250.000.000 đồng (gồm chi phí mai táng, tiền tổn thất tinh thần, tiền sửa chữa phương tiện và các chi phí hợp lý khác); Bồi thường cho gia đình chị Quảng Thị B 360.000.000 đồng (chi phí điều trị thương tích, tiền tổn thất tinh thần, bồi dưỡng sức khỏe và các chi phí hợp lý khác); Bồi thường cho Công ty Cổ phần P (là đơn vị quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng GTDB trên tuyến Quốc lộ 38) 25.380.000 đồng. Đối với xe ô tô BKS 89C - 300.60 của anh T4 bị hư hỏng, anh T4 tự khắc phục, không yên cầu bị cáo bồi thường. Trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

Tại Cáo trạng số 50/CT-VKSKV12 ngày 29 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ Đức T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Anh Quàng Văn C1 đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh Đào Văn T4 chủ xe ô tô BKS 89C-300.60 đã nhận lại xe và tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Đức T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1; khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao bị cáo cho UBND xã P, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết; Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình. Bị cáo rất ân hận về sự việc do bị cáo gây ra cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người đại diện cho bị hại, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, phương tiện, kết luận giám định pháp y và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ 15 phút ngày 19/9/2025, tại ngã tư giao nhau có đèn tín hiệu giao thông giữa đường tránh Quốc lộ C và Tỉnh lộ 392 thuộc địa phận xã K, thành phố Hải Phòng, Vũ Đức T không có giấy phép lái xe hợp lệ theo quy định, điều khiển xe ô tô tải BKS 89C - 300.60 tải trọng 6.850 kg, do thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại an toàn nên xảy ra va chạm với xe mô tô BKS 34P1 - 039.77 do chị Nguyễn Thị D điều khiển chở chị Quàng Thị B đi ngược chiều đang chuyển hướng rẽ trái. Hậu quả là chị Nguyễn Thị D tử vong, chị Quàng Thị B tổn thương 42% sức khỏe, thiệt hại về tài sản là 29.650.000 đồng.

Xét thấy, hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự an toàn và hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng của chị D và sức khỏe của chị B được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có giấy phép lái xe hạng B2 và vẫn còn thời hạn nhưng với giấy phép mà bị cáo được cấp bị cáo chỉ được phép điều khiển xe tải với trọng lượng 3.500kg nhưng bị cáo lại tự ý điều khiển xe tải với trọng lượng 6.850kg. Như vậy, hành vi vi phạm của bị cáo được xác định là điều khiển xe không có giấy phép theo quy định. Khi bị cáo điều khiển xe ô tô đến đoạn đường có ngã tư giao nhau và có đèn tín hiệu giao thông giữa đường tránh QL38 và Tỉnh lộ 392 thuộc địa phận xã K. Do thiếu chú ý quan sát nên bị cáo không phát hiện ra xe của chị D điều khiển cũng đang sang đường dẫn đến va chạm. Hậu quả chị D chết, chị B bị thương, thiệt hại về xe ô tô của anh T4 và xe mô tô của chị D, cột đèn giao thông của Công ty P. Nguyên nhân chính gây ra vụ tai nạn giao thông đường bộ là do bị cáo. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ nên đủ yếu tố cấu thành tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý đối với bị cáo:*

Xét nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS): Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã ra đầu thú và tích cực bồi thường cho gia đình bị hại, gia đình bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, HĐXX đánh giá chị D cũng có lỗi một phần dẫn đến việc va chạm. Cụ thể, xe bị cáo điều khiển và xe chị D điều khiển đi ngược chiều nhau. Chị D điều khiển xe nhưng lại đi sau xe container nên sự quan sát của bị cáo chỉ có thể nhìn thấy xe container mà không phát hiện ra xe chị D. Sau đó chị D điều khiển xe rẽ trái sang đường mà không chú ý quan sát kỹ. Bị cáo phát hiện ra chị D thì khoảng cách đã quá gần dẫn đến va chạm nên HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. HĐXX sẽ xem xét áp dụng các tình tiết trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào quy định của BLHS, HĐXX thấy rằng, bị cáo ăn năn hối cải, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS nên HĐXX sẽ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, hoàn cảnh và tính chất phạm tội của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau tai nạn xảy ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình chị D số tiền 250.000.000đ bao gồm các khoản chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, tiền nuôi dưỡng bố mẹ già, chi phí sửa chữa phương tiện. Bồi thường cho chị B số tiền 350.000.000đ bao gồm các khoản chi phí chữa trị, tiền công người chăm sóc, tiền mất thu nhập, tiền tổn thất tinh thần, tiền hồi phục sức khỏe và các chi phí khác. Bồi thường cho công ty P số tiền 25.380.000đ. Đại diện gia đình bị hại và công ty đã nhận đủ số tiền trên và không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không phải giải quyết.

[6] Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với xe ô tô BKS 89C - 300.60 là tài sản hợp pháp của anh T4. Đối với xe mô tô BKS 34P1 - 039.77 là xe của chị D. Ngày 23/10/2025 và ngày 01/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Đào Văn T4 không có hành vi giao xe cho bị cáo điều khiển nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Trả cho bị cáo giấy phép lái xe hạng B2 số 750115020054 do Sở G cấp ngày 14/11/2023 vì không liên quan đến hành vi vi phạm của bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Đức T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Vũ Đức T **03** (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05** (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Đức T cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trả cho bị cáo giấy phép lái xe hạng B2 số 750115020054 do Sở G cấp ngày 14/11/2023 (Đã trả cho bị cáo tại phiên tòa).

[2]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[3]. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 BLTTHS. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho bị hại và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc Tòa án niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại.
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS – Công an TP. Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hải Phòng;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Đào